

Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Phương Hoa.**

2. Ông **Nguyễn Quang Khải.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lò Xuân T - Sinh năm: 2004.

Nơi cư trú: Bản T(nay là bản H), xã T, tỉnh Đ- Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lò Hồng P - Sinh năm: 2006.

Nơi cư trú: Bản T(nay là bản H), xã T, tỉnh Đ- Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh Lò Xuân T trình bày:

* Về hôn nhân: Anh và chị Lò Hồng P sau một thời gian tìm hiểu, anh chị báo cáo hai bên gia đình, anh chị về chung sống với nhau từ năm 2021, cho đến ngày 27/02/2025 anh chị mới đến UBND xã T đăng ký kết hôn với nhau. Anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn là tự nguyện không ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2026 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cho đến tháng 3/2026 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện không quan tâm đến

cuộc sống của nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Hồng P.

* Về con chung, con riêng, con nuôi: Anh chị có 01 con chung là cháu Lò Anh Nghĩa, sinh ngày 18/02/2022. Khi ly hôn anh nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Nghĩa cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

* Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Anh chị không nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Lò Hồng P vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án chị P không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

* Tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh T và chị P tại bản Ten Luống, xã T, tỉnh Điện Biên. Anh chị về chung sống với nhau từ năm 2021, cho đến ngày 27/02/2025 anh chị mới đến UBND xã T đăng ký kết hôn với nhau, anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh chị sống ly thân từ tháng 3/2026 đến nay. Hiện anh T đi lái xe công thu nhập hàng tháng ổn định, anh T có đủ sức khỏe lao động sản xuất, đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, vì kể từ ngày anh T và chị P sống ly thân với nhau cháu Nghĩa sống cùng với anh T.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tổng đạt các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho bị đơn chị Lò Hồng P, nhưng không tổng đạt trực tiếp được cho chị P, do chị P thường xuyên đi làm thuê nên hay vắng nhà. Tòa án đã tiến hành giao các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho bố đẻ của chị P là ông Lò Văn Hạnh, ông Hạnh cam đoan là sẽ có trách nhiệm giao các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho chị P đúng thời hạn. Tuy nhiên chị Lò Thị P không gửi bất cứ tài liệu, chứng cứ gì ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho chị P nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do, anh T có đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc T hợp không tiến hành hòa giải được.

* Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Lò Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ như nội dung đơn khởi kiện anh đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản Huổi Cánh, xã T, tỉnh Điện Biên. Vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đến tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị P, nhưng không tổng đạt trực tiếp cho chị P được, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng đó cho bố đẻ của chị Phương là ông Lò Văn Hạnh, ông Hạnh cam đoan sẽ giao các văn bản tố tụng đó cho chị P đúng thời hạn. Trong quá trình giải quyết Tòa án thông báo họp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cho chị P, nhưng chị P đều vắng mặt không có lý do, trong quá trình giải quyết vụ án chị P không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án, anh T đề nghị không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc T hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị P được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, anh T có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Lò Hồng P theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân: Anh Lò Xuân T và chị Lò Hồng P sau một thời gian tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương về chung sống với nhau từ cuối năm 2021. Đến ngày 27/02/2022 anh chị mới đến UBND xã T đăng ký kết hôn với nhau. Việc anh chị về chung sống và đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa anh T và chị P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2026 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cho đến tháng 3/2026 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh T và chị P không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp nhận đơn xin ly hôn của anh T đối với chị P. Tuyên xử cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lò Anh Nghĩa, sinh ngày 18/02/2022.

Xét thấy nguyện vọng của Lò Xuân T, khi ly hôn có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, từ ngày anh T và chị P sống ly thân với nhau cháu Nghĩa sống cùng với anh T. Anh T làm nghề lái xe, lương tháng 15.000.000 đồng, thu nhập tương đối ổn định, vậy anh T đảm bảo có đủ điều kiện trong việc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và môi T học tập của cho con chung. Do đó cần giao cháu Lò Anh Nghĩa , sinh ngày 18/02/2022 cho anh Lò Xuân T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động theo quy định tại Điều 58, Điều 70 Luật hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị Lò Hồng P cấp dưỡng nuôi con cùng với anh. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Lò Xuân T và chị Lò Hồng P không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Lò Xuân T không thuộc T hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền án phí DSST. Vậy áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cần buộc anh Lò Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

* Căn cứ Điều 8; khoản 1 Điều 9; các Điều 51; 53; 56; 57; 58; các Điều 69; 70; 71 các Điều 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lò Xuân T. Anh Lò Xuân T được ly hôn với chị Lò Hồng P.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Anh Nghĩa, sinh ngày 18/02/2022 cho anh Lò Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Xuân T không yêu cầu chị Lò Hồng P cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Hồng P được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Anh Lò Xuân T và chị Lò Hồng P không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Lò Xuân T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 3 00.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000374 ngày 09/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Anh Lò Xuân T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự: Anh Lò Xuân T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/8/2026. Chị Lò Hồng P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 2;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng GD KT, TT, THA TAND tỉnh DB;
- UBND xã T;
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Văn Dinh